TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2023/HS-ST
Ngày 15 – 9 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tịnh

Bà Đỗ Kim Phụng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thuý Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T (tên gọi khác: không có tên gọi khác), sinh ngày 01/01/1992, tại huyện N, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Đỗ Văn H, sinh năm 1976; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1977; Tiền sự, tiền án: Không có. Nhân thân: Ngày 11/4/2014 bị Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ Luật hình sự, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015 đến nay đã được xoá án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2023 đến ngày 10/5/2023 tạm giam đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Trần Minh S, sinh năm 1946 (vắng mặt)

HKTT: Khóm B, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 01/5/2023, bị cáo Đỗ Văn T đi ngang nhà ông Trần Minh S tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu

Honda, loại Ari Blade màu đen bạc, biển số 94G1 – 000.39 của ông S dựng trước sân, có sẵn chìa khoá đang cắm trên xe, thành nảy sinh ý định trộm xe bán lấy tiền tiêu xài. T thấy không có ai trông coi nên đi đến vị trí đậu xe rồi nổ máy điều khiển xe chạy về hướng thị xã G. Lúc này ông S phát hiện truy hô lên và trình báo Công an xã L tiến hành truy đuổi. Đến địa bàn khóm D, phường A, thị xã G thì T bị Công an xã L bắt quả tang và tạm giữ xe mô tô mà T lấy cắp của ông S; 01 điện thoại di động nhãn hiện Itel có gắn sim số 0379.449.657, 01 tua vít, 01 cây cờ lê. Quá trình làm việc Đỗ Văn T đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của ông S.

Tại kết luận định giá số 21/HĐ ngày 06/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Ari Blade, màu đen bạc, biển số 94G1 – 000.39 đến thời điểm ngày 01/5/2023 có giá trị 10.400.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn T khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng đã truy tố.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKS - HS ngày 17/8/2023 truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn từ tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 01/5/2023.

Về vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám, loại máy iT5311, bàn phím số, số IMEI 1: 352430084404782 và số IMEI 2: 352430084404790. Điện thoại gắn 01 sim Viettel số serial 8984 048000901208514 (đã qua sử dụng, trong tình trạng hư hỏng, không khởi động nguồn được).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu huỷ 01 tua vít cán bằng nhựa màu vàng đen, kích thước dài 19,5 cm (đã qua sử dụng) và 01 đoạn kim loại màu trắng (Cờ lê được cắt làm đôi, một đầu được mài mỏng, nhọn, có cạnh, thường gọi là cây đoản để bẻ khoá xe máy) có kích thước 09cm, phần đầu cờ lê 2,6cm, phần mũi nhạn dẹp rộng 0,3cm.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Đỗ Văn T phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Vì mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản của người khác chiếm đoạt. Vào ngày 01/5/2023 bị cáo Đỗ Văn T tìm tài sản để lấy trộm và đã lấy trộm được xe mô tô Honda, số loại Ari Blade, màu đen bạc, biển số 94G1 – 000.39 của ông Trần Minh S có giá trị 10.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc lén lúc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản",* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi đã thực hiện; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Căn cứ vào các tình tiết trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo là đúng với quy định của Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, đã trả xe mô tô biển số 94G1 – 000.39 cho ông Trần Minh S là đúng quy định. Đối với:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám, loại máy iT5311, bàn phím số, số IMEI 1: 352430084404782 và số IMEI 2: 352430084404790. Điện thoại gắn 01 sim Viettel số serial 8984 048000901208514 (đã qua sử dụng, trong tình trạng hư hỏng, không khởi động nguồn được). Đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo.

- 01 tua vít cán bằng nhựa màu vàng đen, kích thước dài 19,5 cm (đã qua sử dụng) và 01 đoạn kim loại màu trắng (Cờ lê được cắt làm đôi, một đầu được mài mỏng, nhọn, có cạnh, thường gọi là cây đoản để bẻ khoá xe máy) có kích thước09cm, phần đầu cờ lê 2,6cm, phần mũi nhọn dẹp rộng 0,3cm. Đây là vật chứng không có giá trị nên tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí Hình sự: Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 01/5/2023.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Đỗ văn T1 phải chịu án phí 200.000 đồng.

3 Về vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám, loại máy iT5311, bàn phím số, số IMEI 1: 352430084404782 và số IMEI 2: 352430084404790. Điện thoại gắn 01 sim Viettel số serial 8984 048000901208514 (đã qua sử dụng, trong tình trạng hư hỏng, không khởi động nguồn được).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy:

01 tua vít cán bằng nhựa màu vàng đen, kích thước dài 19,5 cm (đã qua sử dụng) và 01 đoạn kim loại màu trắng (Cờ lê được cắt làm đôi, một đầu được mài mỏng, nhọn, có cạnh, thường gọi là cây đoản để bẻ khoá xe máy) có kích thướcc09cm, phần đầu cờ lê 2,6cm, phần mũi nhọn dẹp rộng 0,3cm.

(Vật chứng được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2023).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện KSND huyện Đông Hải;
- Viện KSND tỉnh Bạc Liêu;
- CQĐT CA huyện Đông Hải;
- Thi hành án hình sự CA huyện Đông Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Ghết